TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệu;

2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Ngọc Đ**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Bà **Thái Thị Thanh T**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Thái Thị Thanh T sống chung như vợ chồng từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống trước khi về sống chung với bà T. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi về sống chung, thời gian đầu ông và bà T sống hạnh phúc, nhưng khoảng 07 năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến việc làm ăn không thuận lợi, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, tình cảm không còn. Ông và bà T

đã sống ly thân 05 năm nay. Do đó, nay ông xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 17/5/2000 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 08/5/1997, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà T không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn bà Thái Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ sống chung như vợ chồng từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, nơi bà đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống trước khi về sống chung với ông Đ. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi về sống chung, thời gian đầu bà và ông Đ sống hạnh phúc, nhưng khoảng 07 năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông Đ chửi và đánh bà. Bà và ông Đ đã sống ly thân 05 năm nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Đ nên bà đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 17/5/2000 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 08/5/1997, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Đ không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ông Huỳnh Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với bà Thái Thị Thanh T, bà T hiện đang cư trú tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Đ và bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Đ và bị đơn bà T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo ông Đ, bà T trình bày và theo xác nhận ngày 08/9/2022 của UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre thì ông Đ và bà T sống chung như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, nơi ông bà đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống trước khi về sống chung.

Sau khi về sống chung được 07 năm thì ông Đ và bà T đều thừa nhận ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Theo ông Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến việc làm ăn không thuận lợi, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, tình cảm không còn nên ông xin được ly hôn. Còn theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông Đ chửi và đánh bà, nay bà xác định không còn tình cảm với ông Đ nên đồng ý ly hôn.

Như vậy, xét thấy ông Đvà bà T có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn và nay ông Đ xin được ly hôn, bà T cũng đồng ý ly hôn. Đồng thời, ông Đ và bà T không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; ông bà cũng đã không chung sống với nhau từ 05 năm nay. Căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đ và bà T.

[4] Về con chung:

Ông Đ và bà T có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 17/5/2000 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 08/5/1997, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Ông Đ và bà T đều khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung:

Ông Đ và bà T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Đ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011204 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, 16 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Ngọc Đ và bà Thái Thị Thanh T.

Về con chung: Ông Huỳnh Ngọc Đ và bà Thái Thị Thanh T có hai con chung tên Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 17/5/2000 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 08/5/1997, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Huỳnh Ngọc Đ và bà Thái Thị Thanh T đều khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Huỳnh Ngọc Đ và bà Thái Thị Thanh T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Huỳnh Ngọc Đ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011204 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến